

### 1.31 Dịch vụ thu thập danh sách Thẻ ngân hàng định kỳ

- Đặc tả đầu vào API:

| TT | Tên trường                    | Kiểu dữ liệu       | Bắt buộc | Mô tả  |
|----|-------------------------------|--------------------|----------|--|
| 1  | Cif                           | String (36 ký tự)  | X        | Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự  |
| 2  | SoId                          | String (15 ký tự)  | X        | Số ID của khách hàng<br>Ưu tiên điền số CCCD.<br>Tối đa 15 kí tự.  |
| 3  | LoaiId                        | Integer            | X        | Loại ID, điền một trong số các giá trị sau: 1,2,3,4,5,6,7:<br>1. Thẻ căn cước công dân;<br>2. Thẻ căn cước;<br>3. Chứng minh nhân dân;<br>4. Hộ chiếu;<br>5. Giấy chứng nhận căn cước;<br>6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử;<br>7. Giấy tờ khác;<br>99. Chưa thu thập được. |
| 4  | TenChuTheHoac<br>NguoiUyQuyen | String (150 ký tự) | X        | Điền Họ và tên của khách hàng theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự   |
| 5  | NgaySinh                      | String (10 ký tự)  | X        | Điền ngày sinh của khách hàng theo định dạng dd/mm/yyyy.   |
| 6  | GioiTinh                      | Integer            | X        | Giới tính của khách hàng. Điền một trong 3 giá trị sau: 0, 1, 2:<br>0-Nữ<br>1-Nam<br>2-Khác.   |
| 7  | QuocTich                      | String (36 ký tự)  | X        | Điền quốc tịch khách hàng, tối đa 36 kí tự   |
| 8  | DienThoai                     | String (120 ký tự) | X        | Số điện thoại của khách hàng. Tối đa 120 ký tự từ số 0 đến số 9 và cho phép nhập 1 trong các ký tự ,;  để làm phân cách trường hợp nhiều số điện   |

| TT | Tên trường     | Kiểu dữ liệu       | Bắt buộc | Mô tả   |
|----|----------------|--------------------|----------|---|
|    |                |                    |          | thoại.  |
| 9  | DiaChi         | String (300 ký tự) | X        | Điền địa chỉ của khách hàng, tối đa 300 ký tự.  |
| 10 | DiaChiMac      | String (60 ký tự)  |          | Điền địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng sử dụng thẻ. Tối đa 60 ký tự  |
| 11 | SoImei         | String (36 ký tự)  |          | Điền số Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng sử dụng thẻ. Tối đa 36 ký tự.                             |
| 12 | SoThe          | String (36 ký tự)  | X        | Điền số thẻ viết liền, tối đa 36 ký tự.<br>Là kí tự từ 0 đến 9.   |
| 13 | LoaiThe        | Integer            | X        | Loại thẻ (ghi nợ, tín dụng, trả trước định danh). Điền một trong số các giá trị sau: 1,2,3:<br>1- thẻ ghi nợ<br>2- thẻ tín dụng<br>3- thẻ trả trước định danh;<br>99- Chưa thu thập được. |
| 14 | NgayPhatHanh   | String (10 ký tự)  | X        | Điền ngày phát hành thẻ theo định dạng mm/yyyy.   |
| 15 | ThoiHanHieuLuc | String (10 ký tự)  | X        | Điền ngày hết hạn thẻ theo định dạng mm/yyyy.   |
| 16 | BIN            | String (10 ký tự)  | X        | Điền dãy BIN thẻ viết liền, tối đa 10 ký tự.<br>Là ký tự từ 0 đến 9.  |
| 17 | TrangThaiThe   | Integer            | X        | Trạng thái thẻ. Điền một trong số các giá trị sau: 1,2,3,4,5:<br>1. Đang hoạt động;   |

| TT | Tên trường      | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả  |
|----|-----------------|--------------|----------|--|
|    |                 |              |          | 2. Tạm dừng giao dịch;<br>3. Tạm khóa;<br>4. Thu hồi;<br>5. Hết hiệu lực;<br>99. Chưa thu thập được.                       |
| 18 | PhuongThucMoThe | Integer      |          | Phương thức mở thẻ. Điền một trong các giá trị sau: 1, 2:<br>1- Mở tại quầy;<br>2- Mở qua eKYC;<br>99- Chưa thu thập được. |

- Đặc tả đầu ra API:

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Mô tả  |
|----|------------|--------------|--|
| 1  | code       | String       | Mã kết quả trả về<br>00: Thành công<br>Khác 00: Thất bại                 |
| 2  | message    | String       | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại                             |
| 3  | success    | Boolean      | True: tiếp nhận dữ liệu thành công,<br>False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- Chi tiết dịch vụ:

| Địa chỉ kết nối       |   |
|-----------------------|---|
| <b>URL</b>            | <a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tnh/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-tnh-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tnh/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-tnh-api</a> |
| <b>Request header</b> |   |
| maYeuCau              | Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện  |
| kyBaoCao              | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)   |
| <b>Method</b>         | POST  |
| <b>Content-Type</b>   | application/json  |
| <b>Authorization</b>  | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)   |
| <b>Request Body</b>   |   |
| <b>Body</b>           | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên  |

|                      |   |
|----------------------|---|
|                      | (Không vượt quá 10,000 Thẻ ngân hàng trong 1 lần gửi báo cáo) |
| <b>Response Body</b> |   |
| <b>Body</b>          | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên     |

### 1.32 Dịch vụ thu thập danh sách Thẻ ngân hàng nghi ngờ gian lận

- Đặc tả đầu vào API:

| TT | Tên trường                | Kiểu dữ liệu       | Bắt buộc | Mô tả   |
|----|---------------------------|--------------------|----------|---|
| 1  | Cif                       | String (36 ký tự)  | X        | Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự   |
| 2  | TenChuTheHoacNguoiUyQuyền | String (150 ký tự) | X        | Điền Họ và tên của khách hàng theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự  |
| 3  | SoThe                     | String (36 ký tự)  | X        | Điền số thẻ viết liền, tối đa 36 ký tự.<br>Là ký tự từ 0 đến 9.   |
| 4  | LoaiThe                   | Integer            | X        | Loại thẻ. Điền một trong số các giá trị sau: 1,2,3:<br>1- thẻ ghi nợ;<br>2- thẻ tín dụng;<br>3- thẻ trả trước định danh;<br>99- Chưa thu thập được.   |
| 5  | TrangThaiThe              | Integer            | X        | Trạng thái thẻ. Điền một trong số các giá trị sau: 1,2,3,4,5:<br>1. Đang hoạt động;<br>2. Tạm dừng giao dịch;<br>3. Tạm khóa;<br>4. Thu hồi;<br>5. Hết hiệu lực;<br>99. Chưa thu thập được. |
| 6  | NghiNgo                   | Integer            | X        | Nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT. Điền một trong các giá trị sau: 0,1,2,3,4,5,6,7,8,9<br>Trong đó:  |

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả   |
|----|------------|--------------|----------|---|
|    |            |              |          | <p>0 - Không nghi ngờ gian lận</p> <p>1. Thẻ ghi nợ gắn với tài khoản thanh toán, ví điện tử nằm trong danh sách tài khoản thanh toán, ví điện tử nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật;</p> <p>2. Thông tin, tài liệu, dữ liệu do chủ thẻ cung cấp khi giao kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ và trong quá trình sử dụng thẻ không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;</p> <p>3. Thẻ nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng;</p> <p>4. Thẻ phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường;</p> <p>5. Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi, ... của chủ thẻ;</p> <p>6. Giao dịch sai PIN, OTP, thông tin thẻ nhiều lần;</p> <p>7. Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền khác;</p> <p>8. Giao dịch thanh toán không tại đơn vị chấp nhận thẻ, giao dịch thẻ tại đơn vị chấp nhận</p> |

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu       | Bắt buộc | Mô tả   |
|----|------------|--------------------|----------|---|
|    |            |                    |          | thẻ ở nước ngoài kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không hợp pháp theo quy định pháp luật hoặc tại đơn vị chấp nhận thẻ nằm trong danh sách đơn vị chấp nhận thanh toán nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật;<br><br>9. Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này. |
| 7  | GhiChu     | String (500 ký tự) |          | Điền thông tin ghi chú nếu có, tối đa 500 ký tự   |

- Đặc tả đầu ra API:

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Mô tả  |
|----|------------|--------------|--|
| 1  | code       | String       | Mã kết quả trả về<br>00: Thành công<br>Khác 00: Thất bại                 |
| 2  | message    | String       | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại                             |
| 3  | success    | Boolean      | True: tiếp nhận dữ liệu thành công,<br>False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- Chi tiết dịch vụ:

| Địa chỉ kết nối |   |
|-----------------|---|
| URL             | <a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tnh/1.0/upload-bao-cau-danh-sach-tnh-nngl-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tnh/1.0/upload-bao-cau-danh-sach-tnh-nngl-api</a> |
| Request header  |   |
| maYeuCau        | Được sinh tự động từ các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện   |
| kyBaoCao        | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)   |
| Method          | POST  |
| Content-Type    | application/json  |
| Authorization   | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)   |
| Request Body    |   |

|                      |  |
|----------------------|--|
| <b>Body</b>          | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên<br>(Không vượt quá 10,000 Thẻ ngân hàng NNGL trong 1 lần gửi báo cáo) |
| <b>Response Body</b> |  |
| <b>Body</b>          | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên  |

### 1.33 Dịch vụ thu thập danh sách cập nhật Thẻ ngân hàng nghi ngờ gian lận

- Đặc tả đầu vào API:

| TT | Tên trường                | Kiểu dữ liệu       | Bắt buộc | Mô tả   |
|----|---------------------------|--------------------|----------|---|
| 1  | Cif                       | String (36 ký tự)  | X        | Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự   |
| 2  | TenChuTheHoacNguoiUyQuyen | String (150 ký tự) | X        | Điền Họ và tên của khách hàng theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự  |
| 3  | SoThe                     | String (36 ký tự)  | X        | Điền số thẻ viết liền, tối đa 36 ký tự.<br>Là ký tự từ 0 đến 9.   |
| 4  | LoaiThe                   | Integer            | X        | Loại thẻ. Điền một trong số các giá trị sau: 1,2,3:<br>1- thẻ ghi nợ;<br>2- thẻ tín dụng;<br>3- thẻ trả trước định danh;<br>99- Chưa thu thập được.   |
| 5  | TrangThaiThe              | Integer            | X        | Trạng thái thẻ. Điền một trong số các giá trị sau: 1,2,3,4,5:<br>1. Đang hoạt động;<br>2. Tạm dừng giao dịch;<br>3. Tạm khóa;<br>4. Thu hồi;<br>5. Hết hiệu lực;<br>99. Chưa thu thập được.   |
| 6  | NghiNgo                   | Integer            | X        | Nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT. Điền một trong các giá trị sau: 0,1,2,3,4,5,6,7,8,9<br>Trong đó:<br>0 - Không nghi ngờ gian lận<br>1. Thẻ ghi nợ gắn với tài khoản thanh toán, ví điện tử nằm trong danh sách tài khoản thanh toán, ví điện tử nghi ngờ |



| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả   |
|----|------------|--------------|----------|---|
|    |            |              |          | <p>gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật;</p> <p>2. Thông tin, tài liệu, dữ liệu do chủ thẻ cung cấp khi giao kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ và trong quá trình sử dụng thẻ không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;</p> <p>3. Thẻ nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng;</p> <p>4. Thẻ phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường;</p> <p>5. Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi, ... của chủ thẻ;</p> <p>6. Giao dịch sai PIN, OTP, thông tin thẻ nhiều lần;</p> <p>7. Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền khác;</p> <p>8. Giao dịch thanh toán không tại đơn vị chấp nhận thẻ, giao dịch thẻ tại đơn vị chấp nhận thẻ ở nước ngoài kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không hợp pháp theo quy định pháp luật hoặc tại đơn vị chấp nhận thẻ nằm trong danh sách đơn vị</p> |

| TT | Tên trường  | Kiểu dữ liệu       | Bắt buộc | Mô tả   |
|----|-------------|--------------------|----------|---|
|    |             |                    |          | chấp nhận thanh toán nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật;<br><br>9. Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này. |
| 7  | LyDoCapNhat | String (500 ký tự) | X        | Điền thông tin Lý do cập nhật lại danh sách thẻ nghi ngờ gian lận, tối đa 500 ký tự   |
| 8  | GhiChu      | String (500 ký tự) |          | Điền thông tin ghi chú nếu có. Tối đa 500 ký tự.  |

- Đặc tả đầu ra API:

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Mô tả  |
|----|------------|--------------|--|
| 1  | code       | String       | Mã kết quả trả về<br>00: Thành công<br>Khác 00: Thất bại                 |
| 2  | message    | String       | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại                             |
| 3  | success    | Boolean      | True: tiếp nhận dữ liệu thành công,<br>False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- Chi tiết dịch vụ:

|                        |   |
|------------------------|---|
| <b>Địa chỉ kết nối</b> |   |
| <b>URL</b>             | <a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tnh/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-tnh-nngl-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tnh/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-tnh-nngl-api</a> |
| <b>Request header</b>  |   |
| maYeuCau               | Được sinh tự động từ các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện   |
| kyBaoCao               | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)   |
| <b>Method</b>          | POST  |
| <b>Content-Type</b>    | application/json  |
| <b>Authorization</b>   | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)   |
| <b>Request Body</b>    |   |
| <b>Body</b>            | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 Thẻ ngân hàng NNGL trong 1 lần gửi báo cáo)   |

| <b>Response Body</b> |   |
|----------------------|---|
| <b>Body</b>          | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

### 1.34 Dịch vụ thu thập danh sách cập nhật Thẻ ngân hàng

- Đặc tả đầu vào API:

| TT | Tên trường                 | Kiểu dữ liệu       | Bắt buộc | Mô tả  |
|----|----------------------------|--------------------|----------|--|
| 1  | Cif                        | String (36 ký tự)  | X        | Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự  |
| 2  | SoId                       | String (15 ký tự)  | X        | Số ID của khách hàng<br>Ưu tiên điền số CCCD.<br>Tối đa 15 kí tự.  |
| 3  | LoaiId                     | Integer            | X        | Loại ID, điền một trong số các giá trị sau: 1,2,3,4,5,6,7:<br>1. Thẻ căn cước công dân;<br>2. Thẻ căn cước;<br>3. Chứng minh nhân dân;<br>4. Hộ chiếu;<br>5. Giấy chứng nhận căn cước;<br>6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử;<br>7. Giấy tờ khác;<br>99. Chưa thu thập được. |
| 4  | TenChuTheHocNgonoiUyQuyenn | String (150 ký tự) | X        | Điền Họ và tên của khách hàng theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự   |
| 5  | NgaySinh                   | String (10 ký tự)  | X        | Điền ngày sinh của khách hàng theo định dạng dd/mm/yyyy.   |
| 6  | GioiTinh                   | Integer            | X        | Giới tính của khách hàng. Điền một trong 3 giá trị sau: 0, 1, 2:<br>0-Nữ<br>1-Nam<br>2-Khác.   |
| 7  | QuocTich                   | String (36 ký tự)  | X        | Điền quốc tịch khách hàng, tối đa 36 kí tự   |
| 8  | DienThoai                  | String (120 ký tự) | X        | Số điện thoại của khách hàng. Tối đa 120 ký tự từ số 0 đến số 9 và cho phép nhập 1 trong các ký tự ,;  để  |

| TT | Tên trường     | Kiểu dữ liệu       | Bắt buộc | Mô tả   |
|----|----------------|--------------------|----------|---|
|    |                |                    |          | làm phân cách trường hợp nhiều số điện thoại.   |
| 9  | DiaChi         | String (300 ký tự) | X        | Điền địa chỉ của khách hàng, tối đa 300 ký tự.  |
| 10 | DiaChiMac      | String (60 ký tự)  |          | Điền địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng sử dụng thẻ. Tối đa 60 ký tự  |
| 11 | SoImei         | String (36 ký tự)  |          | Điền số Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng sử dụng thẻ. Tối đa 36 ký tự.                             |
| 12 | SoThe          | String (36 ký tự)  | X        | Điền số thẻ viết liền, tối đa 36 ký tự.<br>Là ký tự từ 0 đến 9.   |
| 13 | LoaiThe        | Integer            | X        | Loại thẻ (ghi nợ, tín dụng, trả trước định danh). Điền một trong số các giá trị sau: 1,2,3:<br>1- thẻ ghi nợ<br>2- thẻ tín dụng<br>3- thẻ trả trước định danh;<br>99- Chưa thu thập được. |
| 14 | NgayPhatHanh   | String (10 ký tự)  | X        | Điền ngày phát hành thẻ theo định dạng mm/yyyy.   |
| 15 | ThoiHanHieuLuc | String (10 ký tự)  | X        | Điền ngày hết hạn thẻ theo định dạng mm/yyyy.   |
| 16 | BIN            | String (10 ký tự)  | X        | Điền dãy BIN thẻ viết liền, tối đa 10 ký tự.<br>Là ký tự từ 0 đến 9.  |
| 17 | TrangThaiThe   | Integer            | X        | Trạng thái thẻ. Điền một trong số các giá trị sau: 1,2,3,4,5:<br>1. Đang hoạt động;<br>2. Tạm dừng giao dịch;   |

| TT | Tên trường      | Kiểu dữ liệu       | Bắt buộc | Mô tả  |
|----|-----------------|--------------------|----------|--|
|    |                 |                    |          | 3. Tạm khóa;<br>4. Thu hồi;<br>5. Hết hiệu lực;<br>99. Chưa thu thập được.   |
| 18 | PhuongThucMoThe | Integer            |          | Phương thức mở thẻ. Điền một trong các giá trị sau: 1, 2:<br>1- Mở tại quầy;<br>2- Mở qua eKYC;<br>99- Chưa thu thập được. |
| 19 | GhiChu          | String (500 ký tự) |          | Điền nội dung ghi chú nếu có, tối đa 500 ký tự   |

- Đặc tả đầu ra API:

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Mô tả  |
|----|------------|--------------|--|
| 1  | code       | String       | Mã kết quả trả về<br>00: Thành công<br>Khác 00: Thất bại                 |
| 2  | message    | String       | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại                             |
| 3  | success    | Boolean      | True: tiếp nhận dữ liệu thành công,<br>False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- Chi tiết dịch vụ:

| Địa chỉ kết nối |   |
|-----------------|---|
| URL             | <a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tnh/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-tnh-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tnh/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-tnh-api</a> |
| Request header  |   |
| maYeuCau        | Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện  |
| kyBaoCao        | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)   |
| Method          | POST  |
| Content-Type    | application/json  |
| Authorization   | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)   |
| Request Body    |   |
| Body            | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 Thẻ ngân hàng trong 1 lần gửi báo cáo)  |

| <b>Response Body</b> |   |
|----------------------|---|
| <b>Body</b>          | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |